

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 175/2024/DS-ST

Ngày: 16-8-2024

“V/v tranh chấp Hợp đồng
tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Tổng Đức Hưởng**;
- Ông **Nguyễn Thanh Hồng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Cường** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 206/2024/TLST-DS ngày 25/4/2024 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q; địa chỉ: Tầng A, tòa nhà C, số G, N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Taniguchi N** – Tổng Giám đốc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Taniguchi N**: Bà **Trần Việt N1** – Phó bộ phận Quản lý công nợ, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà **N1**: Anh **Lê Trương T** – Nhân viên JIVF, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Lê Tấn T1**, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ H, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 26/01/2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là anh **Lê Trương T** trình bày:

Ngày 30/3/2023, anh **Lê Tấn T1** có ký với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q (từ đây gọi tắt là Công ty) Hợp đồng tín dụng số 930160004013626000 để vay số tiền 40.000.000 đồng, phương thức vay: tiêu dùng, mục đích vay: Mua sản

phẩm thiết bị điện tử trong nhà, lãi suất 2,57%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, trả góp hàng tháng. Theo thỏa thuận mỗi tháng anh **T1** phải trả cho Công ty số tiền 1.728.518 đồng vào ngày trước hoặc đúng ngày cuối tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng, ngày thanh toán đầu tiên là ngày 04/5/2023. Từ ngày 04/5/2023 đến ngày 29/11/2023, anh **T1** chỉ trả cho Công ty D đồng tiền gốc, 5.868.358 đồng tiền lãi trong hạn, 1.239 đồng tiền lãi quá hạn và 72.000 đồng tiền phí quản lý khoản vay, tổng cộng là 10.372.608 đồng thì không trả nữa. Tính đến ngày 24/6/2024, anh **T1** còn nợ Công ty 35.568.989 đồng tiền gốc, 7.996.684 đồng tiền lãi trong hạn, 835.828 đồng tiền lãi quá hạn và 108.000 đồng tiền phí quản lý khoản vay, tổng cộng là 44.509.501 đồng.

Nay anh **Lê Trương T** đại diện cho Công ty Y **T1** có nghĩa vụ trả lại cho Công ty tiền gốc, tiền lãi, phí quản lý khoản vay tính đến ngày 24/6/2024 là 44.509.501 đồng; yêu cầu tính lãi từ ngày 24/6/2024 cho đến khi tất nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 930160004013626000 đã ký kết ngày 30/3/2023. Ngoài ra, Công ty không yêu cầu gì khác.

*Bị đơn là anh **Lê Tân T1** vắng mặt nên không có lời trình bày.*

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Q (gọi tắt là JIVF) đối với anh **Lê Tân T1** về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc anh **Lê Tân T1** có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền đến hết ngày 24/6/2024 là 44.509.501 đồng (trong đó, 35.568.989 đồng tiền gốc, 7.996.684 đồng tiền lãi trong hạn, 835.828 đồng tiền lãi quá hạn và 108.000 đồng tiền phí quản lý khoản vay), tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký.

+ Về án phí: Anh **T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông **Taniguchi N** là Người đại diện theo pháp luật của Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà **Bùi Việt N2** đại diện; bà **Bùi Việt N2** vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh **Lê Trương T** đại diện; anh **Lê Trương T** vắng

mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh **Lê Tấn T1** là bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông **Taniguchi N**, bà **N2**, anh **T** và anh **T1**.

[2] Về nội dung tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án, anh **Lê Trương T** đại diện cho **Công ty Y Lê Tấn T1** trả lại cho Công ty số tiền tính đến ngày 24/6/2024 là 44.509.501 đồng (trong đó, 35.568.989 đồng tiền gốc, 7.996.684 đồng tiền lãi trong hạn, 835.828 đồng tiền lãi quá hạn và 108.000 đồng tiền phí quản lý khoản vay); tiền lãi quá hạn và phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 930160004013626000 đã ký kết ngày 30/3/2023 tính từ ngày 24/6/2024 cho đến khi trả xong nợ cho Công ty.

[2.1]] Xét yêu cầu của Công ty thấy rằng:

Căn cứ vào o Hợp đồng tín dụng số 930160004013626000 đã ký kết ngày 30/3/2023 do Công ty cung cấp có đủ căn cứ xác định anh **T1** có ký kết với Công ty Hợp đồng tín dụng trên là có thật. Sau khi được giải ngân thì từ ngày 04/5/2023 đến ngày 29/11/2023, anh **T1** chỉ trả cho **Công ty D** đồng tiền gốc, 5.868.358 đồng tiền lãi trong hạn, 1.239 đồng tiền lãi quá hạn và 72.000 đồng tiền phí quản lý khoản vay, tổng cộng là 10.372.608 đồng thì không trả nữa. Căn cứ vào Bảng kê tiền lãi trong hạn, Bảng kê tiền lãi quá hạn và Lịch sử thanh toán chi tiết ngày 24/6/2024 do Công ty cung cấp có đủ căn cứ xác định tính đến ngày 24/6/2024, anh **T1** còn nợ Công ty số tiền 44.509.501 đồng (trong đó, 35.568.989 đồng tiền gốc, 7.996.684 đồng tiền lãi trong hạn, 835.828 đồng tiền lãi quá hạn và 108.000 đồng tiền phí quản lý khoản vay)

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh **T1** đều vắng mặt nên không có lời trình bày, không có chứng cứ phản bác nên xem như không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình.

[2.3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy Công ty yêu cầu anh **T1** trả lại cho Công ty số tiền tính đến ngày 24/6/2024 là 44.509.501 đồng (trong đó, 35.568.989 đồng tiền gốc, 7.996.684 đồng tiền lãi trong hạn, 835.828 đồng tiền lãi quá hạn và 108.000 đồng tiền phí quản lý khoản vay) tiền lãi quá hạn và phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 930160004013626000 đã ký kết ngày 30/3/2023 tính từ ngày 24/6/2024 cho đến khi trả xong nợ cho Công ty là có căn cứ, cần chấp nhận là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc anh **T1** phải chịu 2.226.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Công ty không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q Jaccs đối với anh Lê Tấn T1 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Buộc anh Lê Tấn T1 có nghĩa vụ trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q Jaccs số tiền gốc và lãi tính đến ngày 24/6/2024 là 44.509.501 (bốn mươi bốn triệu năm trăm lẻ chín nghìn năm trăm lẻ một) đồng, trong đó: Nợ gốc là 35.568.989 (ba mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm tám mươi chín) đồng; tiền lãi trong hạn là 7.996.684 (bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi bốn) đồng; lãi quá hạn là 835.828 đồng; phí quản lý khoản vay là 108.000 (một trăm lẻ tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày 24/6/2024, anh Lê Tấn T1 còn phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q Jaccs tiền lãi, lãi quá hạn, các loại phí theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 930160004013626000 đã ký kết ngày 30/3/2023 cho đến khi trả xong khoản nợ trên.

2. Về án phí:

- Anh Lê Tấn T1 phải chịu 2.226.000 (hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q Jaccs 978.000 (chín trăm bảy mươi tám nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0006140 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q J và anh T1 biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Cường

